TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 625/2021/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Củ Chi, ngày 01 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 567/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Gi, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18A, đường số 802, tổ 15, ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố H.

Tạm trú: Chung cư B, đường Ng, phường Ph, Thành phố Th, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18A, đường số 802, tổ 15, ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố H.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Gi và ông Trần Văn M.

Kể từ ngày 01/7/2021, Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01, ngày 09/02/2004 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc Gi và ông Trần Văn M không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Gi và ông M có 02 (Hai) con chung tên Trần Tấn T, sinh ngày 06/01/2004 và Trần Thị Như Ng, sinh ngày 02/6/2007.

Ông M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung.

Bà Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, 02 (Hai) cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Bắt đầu thi hành từ tháng 6/2021 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Gi chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì bà Gi còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Bà Gi và ông M tự thỏa thuận, không tranh chấp.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Gi và ông M trình bày không có.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Ngọc Gi thỏa thuận chịu, án phí về việc cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Gi phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Gi đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0086250 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà Gi đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- UBND xã A, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.